Phụ lục Ia

BỔ SUNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NÔNG NGHIỆP MỘT SỐ TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG

(Kèm theo Nghị quyết số .30./2026/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Nai)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối		
16, 18. Phường Nhơn Trạch, Xã Phước An					
1	Đường song hành đường Vành đai 3	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Mố B cầu Nhơn Trạch	730	670
2	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra tuyến đường song hành đường Vành đai 3 đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đến Mố B cầu Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông ≤ 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông ≤ 500m.			500	450
3	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra tuyến đường song hành đường Vành đai 3 đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đến Mố B cầu Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông từ > 500m đến ≤ 1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông ≤ 200m.			370	330
4	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra tuyến đường song hành đường Vành đai 3 đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đến Mố B cầu Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông > 200m.			250	220
5	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra tuyến đường song hành đường Vành đai 3 đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đến Mố B cầu Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông ≤ 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông ≤ 500m.			500	450

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối		
6	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra tuyến đường song hành đường Vành đai 3 đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đến Mố B cầu Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông từ > 500m đến ≤ 1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông ≤ 200m.			370	330
7	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra tuyến đường song hành đường Vành đai 3 đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đến Mố B cầu Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			250	220
16. Phường Nhơn Trạch					
8	Đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc)	Đoạn còn lại		730	670
9	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc) đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông ≤ 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông ≤ 500m.			500	450
10	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc) đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			370	330
11	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc) đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			250	220

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối		
12	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc) đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông ≤ 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông ≤ 500m.			500	450
13	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc) đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông từ > 500m đến ≤ 1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông ≤ 200m.			370	330
14	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc) đoạn còn lại có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông > 200m.			250	220
18. Xã Phước An					
15	Đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc)	Giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc lộ 51 (xã Long Phước)	Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An	730	670
16	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc) đoạn từ giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc lộ 51 (xã Long Phước) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông ≤ 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông ≤ 500m.			500	450

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối		
17	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc) đoạn từ giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc lộ 51 (xã Long Phước) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông từ > 500m đến ≤ 1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông ≤ 200m.		370	330
18	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc) đoạn từ giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc lộ 51 (xã Long Phước) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông > 200m.			250	220
19	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc) đoạn từ giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc lộ 51 (xã Long Phước) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			500	450
20	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc) đoạn từ giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc lộ 51 (xã Long Phước) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông từ > 500m đến ≤ 1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông ≤ 200m.			370	330
21	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C (đường Nguyễn Ái Quốc) đoạn từ giáp ranh với xã Long Phước (ấp Phước Long) đoạn ra Quốc lộ 51 (xã Long Phước) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			250	220
14. Xã Long Phước					

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối		
22	Đường 25C	Ranh giới xã Phước An	Quốc lộ 51	730	600
23	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C đoạn từ ranh giới xã Phước An đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông ≤ 500m.			500	430
24	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C đoạn từ ranh giới xã Phước An đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông từ > 500m đến ≤ 1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông ≤ 200m.			400	350
25	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường 25C đoạn từ ranh giới xã Phước An đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông > 200m.			270	270
26	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C đoạn từ ranh giới xã Phước An đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông ≤ 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông ≤ 500m.			500	430
27	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C đoạn từ ranh giới xã Phước An đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông từ > 500m đến ≤ 1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông ≤ 200m.			400	350
28	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường 25C đoạn từ ranh giới xã Phước An đến Quốc lộ 51 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			270	270
18. Xã Phước An					

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối		
29	Tuyến đường song hành cao tốc Bến Lức - Long Thành	Toàn tuyến		730	670
30	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra tuyến đường song hành cao tốc Bến Lức - Long Thành (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông ≤ 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông ≤ 500m.			500	450
31	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra tuyến đường song Hành cao tốc Bến Lức - Long Thành (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông từ > 500m đến ≤ 1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông ≤ 200m.			370	330
32	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra tuyến đường song hành cao tốc Bến Lức - Long Thành (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông > 200m.			250	220
33	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra tuyến đường song hành cao tốc Bến Lức - Long Thành (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông ≤ 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông ≤ 500m.			500	450
34	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra tuyến đường song hành cao tốc Bến Lức - Long Thành (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			370	330
35	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra tuyến đường song hành cao tốc Bến Lức - Long Thành (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông > 200m.			250	220
11. Phường Long Thành					

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối		
36	Đường D1	Toàn tuyến		730	600
37	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường D1 (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông ≤ 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông ≤ 500m.			500	430
38	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường D1 (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông từ > 500m đến ≤ .1000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông ≤ 200m.			400	350
39	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường D1 (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			270	270
40	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường D1 (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông ≤ 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông ≤ 500m.			500	430
41	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường D1 (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông từ > 500m đến ≤ 1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông ≤ 200m.			400	350
42	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường D1 (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			270	270
43	Đường D3	Toàn tuyến		670	530
44	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường D3 (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông ≤ 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông ≤ 500m.			450	380

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hằng năm	Giá đất trồng rừng sản xuất và nuôi trồng thủy sản
		Điểm đầu	Điểm cuối		
45	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường D3 (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			350	310
46	Các tuyến đường giao thông đấu nối trực tiếp ra đường D3 (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông > 1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông > 200m.			230	230
47	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường D3 (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông ≤ 1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông ≤ 500m.			450	380
48	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường D3 (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông từ > 500m đến ≤ 1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤ 200m.			350	310
49	Các tuyến đường giao thông không đấu nối trực tiếp và thông ra đường D3 (toàn tuyến) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3m đến < 5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng < 3m, cách đường giao thông > 200m.			230	230